

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-PT
Ngày: 05-6-2019
Về việc: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu
Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05-6-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2019/TLPT-KDTM ngày 04-3-2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2019/QĐ-PT ngày 26-4-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐ-PT ngày 14-5-2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ.

Địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc N1 – Giám đốc (*vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 (*có mặt*) và ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1982 (*có mặt*); cùng địa chỉ liên hệ: Xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – là đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 22-5-2018 và ngày 22-11-2018.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ B – Chủ đại lý H, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Đình N3, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng – là đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền ngày 12-3-2019 (*có mặt*).

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Đỗ B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 14-01-2017, Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng số 02/OB-HĐKT/2017 với ông Nguyễn Đỗ B - Chủ đại lý H. Theo hợp đồng ký kết thì ông B là đại lý chính thức, phân phối các sản phẩm phân bón mang thương hiệu OBI – ONG BIỂN của Công ty Đ.

Sau khi ký hợp đồng, phía nguyên đơn đã thực hiện đúng thỏa thuận, giao phân bón theo đơn đặt hàng của bị đơn và ký xác nhận công nợ giữa hai bên từ ngày 21-02-2017 đến 13-5-2017 với tổng số tiền hàng là 1.234.470.000đ, bị đơn chỉ mới thanh toán 100.000.000đ, còn nợ lại 1.134.470.000đ. Tuy nhiên, khi đến hạn thì bị đơn không thanh toán theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Đỗ B thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về ký kết, thực hiện hợp đồng và số công nợ đúng như nguyên đơn trình bày. Số tiền nguyên đơn khởi kiện là tiền bị đơn chưa thanh toán mà các bên đã đối chiếu với nhau sau khi bị đơn đã thanh toán một phần.

Bị đơn nhập hàng từ Công ty Đ về và bán cho các hộ dân theo đơn giá của Công ty, trong đó có tổng cộng 75.137kg phân hữu cơ sinh học cao cấp Ong Biển 3 trị giá 698.774.000đ và 16.000kg phân hữu cơ sinh học Ong Biển 3 trị giá 99.200.000đ. Tất cả số phân bón bán cho các hộ dân đều cho nợ đến mùa thu hoạch mới thanh toán, hiện nay vẫn chưa thu hồi được nợ vì các hộ dân biết phân bón không có chất lượng nên không trả tiền cho bị đơn.

Ngày 18-9-2017, Chi cục quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng đã kiểm tra đối với Đại lý của ông Nguyễn Đỗ B và lấy mẫu 3 loại phân bón, trong đó có hai loại phân bón của Công ty Đ gồm phân hữu cơ sinh học Ong Biển 3, phân hữu cơ sinh học cao cấp Ong Biển 3 có dấu hiệu vi phạm về chất lượng.

Ngày 18-10-2017, Đội quản lý thị trường số 2 – Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng có Thông báo số 07/TB-LN về kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu chất lượng, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng đã làm việc với ông B và xác định hai loại phân bón nêu trên của Công ty Đ là phân bón giả, không có giá trị sử dụng.

Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 08-01-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính số tiền 80.000.000đ đối với ông B do hành vi buôn bán phân bón giả.

Đây là lý do mà bị đơn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền trên.

Ngược lại, bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả bị đơn số tiền là 980.474.000đ, gồm các khoản thiệt hại cụ thể như sau:

- Tiền nộp phạt theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 08-01-2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng do bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng là 80.000.000đ;

- Tiền chi phí kiểm nghiệm mẫu phân bón là 25.000.000đ;

- Tiền hàng bị lưu kho tiêu hủy là 77.500.000đ, gồm 31.000.000đ tương ứng với 5.000kg phân hữu cơ sinh học Ong Biển 3 và 46.500.000đ tương ứng với 5.000kg phân bón hữu cơ sinh học cao cấp Ong Biển 3 theo biên bản lấy mẫu sản phẩm hàng hóa số 0009833 ngày 18-9-2017 của Chi cục quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng;

- Số tiền 698.774.000đ tương ứng với 75.137 kg phân bón hữu cơ sinh học cao cấp Ong biển 3 và 99.200.000đ tương ứng với 16.000 kg phân bón hữu cơ sinh học Ong biển 3 đã cho các khách hàng không thu hồi được lý do hàng hóa là phân bón giả.

Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Hữu V, ông Nguyễn Hữu L, bà Hồ Thị C trình bày: Trong năm 2017 các hộ dân có tên trên mua phân bón hiệu Ong Biển tại Đại lý H do ông Nguyễn Đỗ B làm chủ, nhưng chưa thanh toán tiền. Sau khi mua về bón cho cây trồng thì thấy cây không phát triển được, nguyên nhân các ông, bà cho rằng vì phân bón mua từ đại lý là kém chất lượng. Vì vậy, các hộ dân không đồng ý thanh toán tiền còn nợ cho ông B, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với ông Nguyễn Đỗ B, buộc ông B thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền 1.134.470.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Nguyễn Đỗ B về việc buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 980.474.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo: Ngày 19-01-2019, bị đơn là ông Nguyễn Đỗ B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu có ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đúng quy định. Các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật cần giải quyết phải là “Tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa”, không phải là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 1.134.470.000đ là có căn cứ vì hai bên đã đối chiếu công nợ và bị đơn xác nhận đúng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn trả 980.474.000đ thì theo cam kết tại hợp đồng đã ký của hai bên, nguyên đơn là bên phải chịu trách nhiệm về chất lượng phân bón giao cho bị đơn, kết quả kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng kết luận là phân bón giả nên nguyên đơn phải chịu. Tuy nhiên do sau khi bị kiểm tra, bị đơn đã sử dụng hết số phân bón còn lại để bón cây cà phê nên nguyên đơn không phải chịu số lượng hàng này mà chỉ phải chịu trách nhiệm với số tiền bị xử phạt hành chính và chi phí kiểm nghiệm phân bón tổng cộng là 105.000.000đ. Đối với số tiền các hộ dân mua phân bón của bị đơn chưa trả tiền là 797.974.000đ nguyên đơn không phải chịu trách nhiệm vì cam kết của nguyên đơn và bị đơn là chỉ cần sau 20 ngày khách hàng mua về sử dụng mà không có khiếu nại nào thì nguyên đơn không phải chịu trách nhiệm về chất lượng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa tính án phí phản tố không được chấp nhận để buộc bị đơn chịu, đề nghị tính bổ sung và tính lại án phí theo nội dung trên.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm như đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đại lý, nhưng lại xác định tên vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là chưa phù hợp. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng đại lý”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng như: xác định sai tư cách người đại diện của nguyên đơn, không đưa bà Nguyễn Thị H2 - vợ ông Nguyễn Đỗ B vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bị đơn nộp thiếu án phí kháng cáo, sau khi vụ án đã được thụ lý phúc thẩm thì mới yêu cầu bị đơn nộp bổ sung thêm 1.700.000đ. Thấy rằng:

[1.1] Về người đại diện của nguyên đơn: Theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì Công ty Đ có ủy quyền cho hai người là ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn N2. Bị đơn cho rằng Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án ghi tên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N2, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chỉ có một mình ông Nguyễn Văn H1. Thấy rằng, nguyên đơn là pháp nhân, không phải cá nhân ông H1 hay ông N2 và nguyên đơn chấp nhận một trong hai hoặc cả hai người được ủy quyền của mình, không ảnh hưởng tới quyền lợi của bị đơn và bản chất vụ án. Mặt khác, tại Biên bản phiên tòa và Bản án sơ thẩm đều thể hiện hai ông H1 và ông N2 có mặt. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi tên ông N2 trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa đầy đủ, tuy không phải là vi phạm nghiêm trọng nhưng cần chú ý hơn về tính chính xác với nội dung của các văn bản tố tụng.

[1.2] Về việc không đưa vợ ông B là bà Nguyễn Thị H2 vào làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông B đứng tên đăng ký kinh doanh “hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Đỗ B” (Đại lý H), đại diện cho hộ gia đình trong đó có cả bà H2. Khi ký hợp đồng với nguyên đơn chỉ mình ông B ký, việc bà H2 ký nhận hàng là sự phân công lao động trong hộ ông B. Nguyên đơn không kháng cáo Bản án sơ thẩm, nay cũng không yêu cầu đưa bà H2 vào tham gia vụ án nên vấn đề này không ảnh hưởng tới quyền lợi của bị đơn.

[1.3] Vấn đề tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp 2.000.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhầm lẫn với vụ án dân sự nên chỉ thông báo cho nộp 300.000đ, sau đó mới yêu cầu nộp bổ sung 1.700.000đ là có sơ suất và bị đơn cũng đã nộp, không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng cáo của bị đơn tại Tòa án cấp phúc thẩm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và nội dung phản tố của bị đơn:

[2.1] Ngày 14-01-2017 Công ty Đ và ông Nguyễn Đỗ B - Đại lý H có ký Hợp đồng số 02/OB-HĐKT/2017 với nội dung: Đại lý H là đại lý chính thức, phân phối sản phẩm phân bón mang thương hiệu OBI-ONG BIÊN của Công ty Đ; ông B chỉ được phân phối trực tiếp cho người dân, không được lập kênh thương mại tiếp theo; tự trang bị kho bãi để bảo quản hàng hóa; chất lượng theo tiêu chuẩn được công bố trên bao bì sản phẩm; không được bán hàng thấp hơn hoặc vượt quá 5% giá niêm yết của Công ty Đ; thanh toán 50% giá trị sau khi nhận hàng, kể từ đơn hàng thứ hai trở đi phải thanh toán dứt điểm đơn hàng trước. Hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định (*BL 49 tập 2*).

[2.2] Từ ngày 21-02-2017 đến ngày 13-5-2017 bên bán đã tiến hành giao các loại sản phẩm gồm OBI03 đặc biệt màu đỏ, OBI03 CN xanh, OBI04 khoáng, tổng số

lượng là 150 tấn. Hai bên đã đối chiếu số lượng và công nợ với nhau đến ngày 13-5-2017 thì bên mua còn nợ số tiền 1.134.470.000đ. Tại Tòa án, bị đơn thừa nhận số tiền còn thiếu như trên, nhưng theo kết quả kiểm tra của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng thì phân bón nhận từ nguyên đơn là phân bón giả nên không đồng ý thanh toán tiền cho nguyên đơn.

[2.3] Ngày 18-9-2017, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng tiến hành kiểm tra, lấy ba mẫu phân bón từ Đại lý của bị đơn để đưa đi phân tích kiểm nghiệm về chất lượng, trong đó có hai mẫu gồm: phân bón hữu cơ sinh học Ong Biển 3 và phân bón hữu cơ sinh học cao cấp Ong Biển 3 được cho là do nguyên đơn sản xuất và giao hàng cho bị đơn. Kết quả kiểm nghiệm, các chỉ tiêu chất lượng của 2 loại phân bón này đạt dưới 70% so với hồ sơ công bố.

[2.3.1] Theo Biên bản vi phạm hành chính ngày 03-01-2018 cũng như Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-UBND ngày 08-01-2018 thì trong số các hành vi bị đơn bị xử phạt có hành vi về việc bị đơn thực hiện không đúng trách nhiệm của người bán hàng trong bảo quản phân bón, không thực hiện đúng quy định tại mục 20 Điều 1 Nghị định 115/2016/NĐ-CP ngày 08-7-2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, cụ thể là phân bón không để trên kệ mà để trực tiếp dưới nền nhà. Việc bảo quản phân bón không đúng quy định cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa, vì có thể làm giảm một số chỉ tiêu chất lượng đến mức bị coi là hàng giả.

[2.3.2] Mặt khác, căn cứ quy định Điều 3 của hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 10 Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa thì bên chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa là người sản xuất. Tuy nhiên, theo Điều 16 và 38 của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa thì sau khi hàng hóa lưu thông trên thị trường còn có trách nhiệm của người bán hàng. Thời điểm kiểm tra, phía bị đơn xác nhận có bán nhiều mặt hàng phân bón của các nhà cung cấp khác; theo sổ theo dõi hàng của hai bên thì lần cuối cùng Công ty Đ xuất hàng cho bị đơn là tháng 5-2017, tính tới khi bị kiểm tra là tháng 9-2017, theo Biên bản ghi nhận kiểm tra ngày 18-9-2017 thì lô phân bón hữu cơ sinh học Ong Biển 3 và phân bón hữu cơ sinh học cao cấp Ong Biển 3 tại lúc kiểm tra chưa xuất trình được hóa đơn chứng từ, trên bao bì thể hiện được sản xuất từ ngày 19-01-2017 (*BL 39 tập 2; 103, 104 tập 5*). Quá trình kiểm tra lấy mẫu và có kết luận là hàng giả, nguyên đơn không được thông báo kịp thời về sự việc để phối hợp và xác định xem số phân bón này có phải của nguyên đơn giao cho bị đơn hay không, nếu đúng là hàng hóa của mình thì theo quy định của Pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, nguyên đơn còn có quyền chứng minh kết quả đánh giá của cơ quan kiểm nghiệm là đúng hay sai hoặc nếu đúng thì nguyên đơn phải có biện pháp xử lý, khắc phục.

[2.4] Đối với số lượng hàng hóa bị kiểm tra, lưu kho có giá trị tổng cộng là 77.500.000đ, sau khi bị kiểm tra thì toàn bộ số lượng hai loại phân bón bị kiểm tra

còn lại, bị đơn đã tự đổ hết đẽ bón cà phê trong vườn của bị đơn ngay thời điểm đó. Việc này cũng được Chi cục quản lý thị trường Lâm Đồng và bị đơn xác định với Tòa án (*BL 138 tập 7; 182 tập 10; Biên bản PT phúc thẩm*). Cách xử lý của bị đơn là không phù hợp vì nếu có chịu trách nhiệm về hàng giả thì trách nhiệm là của Công ty Đ, không phải trách nhiệm của bị đơn. Điều này làm cho nguyên đơn không thể thực hiện được việc xác định trách nhiệm của mình vì hàng đã bị tiêu hủy, mẫu xét nghiệm cũng không còn vì chỉ lưu trong vòng 30 ngày.

[2.5] Đối với số tiền bị đơn bán 75.137kg phân bón hữu cơ sinh học cao cấp Ong biển 3 cho các hộ dân trị giá 698.774.000đ và 16.000kg phân bón hữu cơ sinh học Ong biển 3 trị giá 99.200.000đ. Theo các chứng cứ bị đơn nộp thì thời điểm bị đơn bán phân bón cho các hộ dân là tháng 01, tháng 3, tháng 4 và tháng 6 năm 2017 (*BL 79-84 tập 5*). Đối chiếu vào cam kết của nguyên đơn và bị đơn tại Điều 1, Điều 6 của hợp đồng đã ký thì phía bị đơn tự chịu trách nhiệm về việc nhận, bảo quản hàng hóa và thỏa thuận bán hàng cho đối tượng là các hộ dân; sau 20 ngày mua hàng, khách hàng của bị đơn không khiếu nại thì nguyên đơn không phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng. Sự kiện bị đơn bị Chi cục quản lý thị trường kiểm tra chất lượng phân bón diễn ra vào tháng 9-2017, cách xa sau khi bị đơn đã bán hàng cho các hộ dân mà bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có khiếu nại về chất lượng trước đó. Việc bị đơn tự nguyện bán chịu tiền cho các hộ dân không phải là ý chí của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn không phải chịu trách nhiệm về phần công nợ bị đơn chưa thu hồi từ khách hàng của mình.

[2.6] Từ những tình tiết trên, không có cơ sở buộc nguyên đơn chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc là 1.134.470.000đ mà không yêu cầu trả lãi của nguyên đơn với bị đơn và không chấp nhận các yêu cầu đòi bồi thường tổng cộng 980.474.000đ của bị đơn với nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 176 Luật Thương mại, cần giữ nguyên.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định Tòa án cấp sơ thẩm tính thiếu phần án phí bị đơn phải chịu do yêu cầu phản tố không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tính bổ sung án phí bị đơn phải chịu. Thấy rằng, các yêu cầu của bị đơn với nguyên đơn thực chất là ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, vì nếu bị đơn không phản tố mà chỉ đề nghị Tòa án xem xét thì vẫn được xem xét trong phạm vi chấp nhận hay không đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, không cần buộc bị đơn chịu án phí phản tố.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phân trách nhiệm của người chậm thi hành án, phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là chưa đúng, ở giai đoạn thi hành án đã không còn áp dụng Luật thương mại mà chỉ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần sửa phần này.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung giải quyết tranh chấp, sửa một phần về trách nhiệm của người chậm

thi hành án của Bản án sơ thẩm. Phần Bản án sơ thẩm bị sửa không liên quan đến nội dung tranh chấp nên bị đơn vẫn phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30, 40, 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, 38 Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa; Điều 176 Luật thương mại; mục 20 Điều 1 Nghị định 115/2016/NĐ-CP ngày 08-7-2016 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Đỗ B, giữ nguyên về phần nội dung giải quyết tranh chấp, sửa về phần trách nhiệm của người chậm thi hành án tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2018/KDTM-ST ngày 28-12-2018 của Tòa án nhân dân thị xã P, như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ đối với ông Nguyễn Đỗ B – chủ Đại lý H:

- Ông Nguyễn Đỗ B – chủ Đại lý H phải thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ tổng số tiền 1.134.470.000đ (*Một tỷ, một trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đỗ B về việc buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ phải thanh toán số tiền 980.474.000đ (*Chín trăm tám mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

1.3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH sản xuất thương mại Đ không phải chịu, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), theo biên lai thu số 0002664 ngày 29-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Đỗ B phải chịu 46.034.000đ (*Bốn mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng*), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 24.500.000đ (*Hai mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0003857 ngày 23-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Ông B còn phải nộp 21.534.000đ (*Hai mươi một triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Đỗ B phải chịu 2.000.000đ (*hai triệu đồng*), nhưng được trừ vào 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm

ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006793 ngày 18-01-2019 và số 0008556 ngày 21-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Ông B đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05-6-2019).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Thị Huệ